

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NAM BỘ NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX: TỪ GIA ĐỊNH THÀNH ĐẾN NAM KỶ LỤC TỈNH

NGUYỄN NGỌC PHÚC*

Xuất phát từ những đặc thù về điều kiện tự nhiên, cũng như lịch sử suốt cả quá trình trước, trong và sau khi người Việt khai phá, thực thi chủ quyền, Nam Bộ sớm đã định hình, xác lập với tư cách một không gian lịch sử - văn hoá (1). Các đặc điểm địa lý, lịch sử dân cư, văn hoá tộc người không chỉ tác động tới đời sống kinh tế xã hội mà còn là nhân tố chi phối quá trình tổ chức, hoạt động của bộ máy quản lý hành chính, nhất là trong những giai đoạn giao thời lịch sử. Đầu thế kỷ XIX, khi chính quyền trung ương mới thiết lập, thực lực chưa đủ mạnh để có thể vươn xuống nắm quyền kiểm soát, chi phối toàn bộ lãnh thổ. Vì thế, trong quá trình chọn lựa, xây dựng mô hình quản lý, triều đình Huế không thể không cân nhắc đến yếu tố vùng miền của Nam Bộ. Phương án Gia Định thành thực chất được xem là giải pháp quá độ trên con đường củng cố, tăng cường sức mạnh quyền lực của triều đình Nguyễn. Hệ quả của giải pháp này là hàng chục năm dưới thời Gia Long và đầu triều Minh Mệnh, từ cơ cấu hành chính cũng như thiết chế quản lý đi kèm, Nam Bộ được tổ chức, điều hành bởi một chính quyền địa phương mà tính tự trị được coi là đặc điểm nổi bật.

Nhìn nhận bối cảnh cùng những nguyên nhân, tác động trên sẽ góp phần tìm lời đáp cho câu hỏi vì sao, bằng phương cách nào, trong mấy thập kỷ đầu thế kỷ XIX, từ thiết lập Gia Định thành, rồi xoay chuyển, đưa đến việc chia đặt, hình thành lục tỉnh Nam Kỳ. Suốt quá trình đó, tương quan quyền lực chính quyền trung ương - địa phương là yếu tố quyết định cho mỗi bước đi và sự lựa chọn, để cuối cùng tạo nên những biến chuyển sâu sắc cả về thiết chế hành chính lẫn cơ cấu quyền lực Nam Bộ... Theo hướng tiếp cận này, bài viết của chúng tôi sẽ góp phần đưa ra những lý giải, nhằm góp phần làm rõ thêm thực chất, căn nguyên của quá trình trên.

1. Gia Định thành - bước chuyển: quá độ của Nam Bộ trong Việt Nam thống nhất

Giữa những ngổn ngang bề bộn của công cuộc kiến thiết đất nước, thiết lập và tổ chức bộ máy quản lý hành chính là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Ý thức được điều đó, nhà Nguyễn - với vai trò nổi bật của hai vua đầu triều Gia Long, Minh Mệnh - đã giành nhiều tâm sức, nỗ lực cho sứ mạng này.

* Th.S. Khoa Lịch sử - Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG HN

Năm 1802, sau khi lên ngôi, vua Gia Long chia cả nước thành 27 trấn (Đàng Ngoài cũ) và doanh (Đàng Trong cũ). Đàng Ngoài có 13 trấn và 1 phủ Phụng Thiên (năm 1805 đổi làm phủ Hoài Đức), Đàng Trong cũ gồm 14 doanh (trừ doanh Quảng Đức sau đổi thành phủ Thừa Thiên, từ năm 1808 các doanh còn lại đều lần lượt đổi thành trấn). Tuy nhiên, triều đình chỉ trực tiếp quản lý 4 "trực doanh" (gồm "tứ Quảng": Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức - Thừa Thiên, Quảng Nam) cùng 7 "cơ trấn" (Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Khương và Bình Thuận).

Đối với những doanh, trấn còn lại, ở Đàng Ngoài cũ, năm 1802, vua Gia Long lập ra Bắc thành, phạm vi gồm năm nội trấn (Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Kinh Bắc, Sơn Tây và Hải Dương) và sáu ngoại trấn (Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Yên Quảng và Hưng Hóa). Như vậy, với Bắc thành, lần đầu tiên trong lịch sử triều Nguyễn, một cấp hành chính trung gian, quản lý trực tiếp địa bàn rộng, gồm nhiều trấn được thiết lập.

Đứng đầu Bắc thành là Tổng trấn, được triều đình giao cho "trọng thần trấn giữ". Tổng trấn có quyền lực rất lớn: "phàm những việc cát bãi quan lại, xử quyết kiện tụng, đều được tùy mà làm rồi sau mới tâu". Các cơ quan giúp việc Tổng trấn ở Bắc thành gồm ba tào Hộ, Binh, Hình, có nhiệm vụ "theo quan Tổng trấn để xét biện công việc" (2).

Dưới Bắc thành, các cấp hành chính có trấn (gồm nội và ngoại trấn), phủ, huyện, tổng và đơn vị hành chính cơ sở thôn/xã/phường... Theo quy định, mỗi trấn đặt hai ty Tả thừa, Hữu thừa. Mỗi ty ở nội trấn đặt 1 câu kê, 1 cai hợp, 1 thủ hợp và 22 người thuộc ty. Cấp phủ, huyện, mỗi phủ đặt 2 đề lại, 10 thông lại; huyện đặt 2

đề lại, 8 thông lại; mỗi phủ huyện đều có 50 lính lệ; cấp tổng đặt 1 tổng trưởng, 1 phó tổng. Riêng đối với các ty Tả thừa, Hữu thừa thuộc 6 ngoại trấn chỉ đặt 1 cai hợp, 1 thủ hợp và 13 người thuộc ty (3).

Còn với Nam Bộ, năm 1800, Nguyễn Ánh đổi phủ Gia Định thành Trấn Gia Định (4), đứng đầu là Lưu trấn. Đơn vị hành chính doanh lúc này cơ bản giống như thời kỳ Đàng Trong (5). Đứng đầu doanh là Lưu thủ, giúp việc có Cai bạ, Ký lục. Năm 1804, Gia Long thay thế hai ty Tướng thần và Xá sai bằng việc đặt ty Tả thừa và Hữu thừa, mỗi ty 100 người, chia làm bốn phòng Hộ, Binh, Hình, Công. Sai Lưu trấn chọn các ty của chính doanh thuộc trấn để sung bổ (6).

Tuy nhiên, phải đến năm 1808, những thay đổi căn bản về quản lý hành chính Nam Bộ mới thực sự bắt đầu. Vua Gia Long "thấy địa thế Gia Định rộng lớn", sau khi "sai đình thần bàn kỹ việc kinh lý để giữ gìn bờ cõi cho vững mạnh" (7) đã quyết định thiết lập ở Nam Bộ một khu vực hành chính mới với tên gọi *Gia Định thành* (8). Phạm vi gồm địa giới của 5 trấn (vốn là các doanh): doanh Phiên Trấn đổi làm trấn Phiên An, doanh Trấn Biên đổi làm trấn Biên Hoà, doanh Vĩnh Trấn đổi làm trấn Vĩnh Thanh, doanh Trấn Định đổi làm trấn Định Tường và trấn Hà Tiên (đặt từ năm 1810). Nhiệm vụ của Gia Định thành, theo *Gia Định thành thông chí* gồm: "trông coi các việc binh dân, thuế dịch và hình án của 5 trấn: Phiên An, Biên Hoà, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên, đồng thời còn kiêm lãnh đạo từ xa thêm trấn Bình Thuận ở phía Bắc. Phàm việc binh thì do thành chỉ huy, còn các việc thuế má, hình án thì trấn tự sắp đặt" (9).

Cũng như Bắc thành, đứng đầu Gia Định thành là Tổng trấn, ngoài ra có Hiệp

tổng trấn (sau đổi là Phó Tổng trấn). *Đại Nam thực lục* cho biết năm Gia Long thứ 7 (1808): “Bắt đầu đặt chức Tổng trấn thành Gia Định... lấy Nguyễn Văn Nhân làm Tổng trấn, Trịnh Hoài Đức làm Hiệp tổng trấn. Ban ấn Tổng trấn thành Gia Định (ấn bạc nôm hình sư tử)” (10). Quyền hạn của Tổng trấn rất lớn: “phàm truất thăng quan lại, hưng lợi trừ hại, tất cả việc thành và việc biên cương đều cho tùy nghi mà làm” (11).

Giúp việc cho Tổng trấn Gia Định, từ năm 1813, Gia Long đặt bốn tào Hộ, Binh, Hình, Công. Người đứng đầu mỗi Tào sẽ lấy từ chức Tham tri, Thiêm sự ở các bộ biệt phái xuống (12). Tùy từng giai đoạn và yêu cầu công việc cụ thể, số viên lại ở các tào có sự thay đổi. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), triều đình chuẩn định ba tào Hộ, Binh, Hình ở Gia Định thành mỗi tào 2 Thiêm sự, Công tào 1 Thiêm sự, phái từ mỗi bộ Hộ, Binh, Hình 1 viên Thiêm sự đưa đến Gia Định thành làm các công việc của

3 tào Hộ, Binh, Hình. Năm 1824, Minh Mệnh lại cho Hộ tào được bổ thêm 1 viên Thiêm sự, Binh tào thì Lang trung, Chủ sự mỗi chức 1 viên, Hình tào mỗi chức Thiêm sự, Lang trung, Chủ sự mỗi chức 1 viên (13).

Các công việc cụ thể về hành chính, tư pháp, quân sự... ở Gia Định thành được giải quyết thông qua hai ty Tả thừa, Hữu thừa, mỗi ty có 3 phòng. Ty Tả thừa gồm các phòng Lại, Binh và Hình, ty Hữu thừa gồm các phòng Hộ, Lễ và Công. Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, năm 1808, số nhân viên thuộc hai ty Tả thừa, Hữu thừa của Gia Định thành được quy định (Xem bảng 1) (14).

Năm 1821, Minh Mệnh cho đổi chức Cai hợp các thành, dinh, trấn làm Thư lại chánh bát phẩm, Thủ hợp làm Thư lại chánh cửu phẩm (15). Sau 1 năm, lại tiếp tục “đổi định lại số viên chức ở hai thừa ty và các thành dinh trấn”, số nhân sự tại các

Bảng 1: Số nhân viên của hai ty Tả thừa, Hữu thừa của Gia Định thành

Ty/phòng	Chức vụ				Cộng
	Câu kê	Cai hợp	Thủ hợp	Bản ty	
Ty Tả thừa: Phòng Lại Phòng Binh Phòng Hình	1	2	2 2 2	10 20 30	69
Ty Hữu thừa Phòng Hộ Phòng Lễ Phòng Công	1	2	2 2 2	30 10 20	69
Cộng	2	4	12	120	138

Bảng 2: Số lượng và phẩm hàm lại viên của Gia Định thành

Phòng	Thư lại			Cộng
	Chánh bát phẩm	Chánh cửu phẩm	Vị nhập lưu	
Lại	1	1	15	17
Hộ	1	3	35	39
Lễ	1	1	10	12
Binh	1	2	25	28
Hình	1	3	30	34
Công	1	2	25	28
Cộng	6	12	140	158

phòng được tăng thêm 22 người, cụ thể: “ba phòng Lại, Binh Hình thuộc Tả thừa ty và ba phòng Hộ, Lễ, Công thuộc Hữu thừa ty, mỗi phòng 1 người Câu kê. Phòng Lại, bát cửu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu 15 người. Phòng Binh, bát phẩm 1, cửu phẩm 2, vị nhập lưu 25. Phòng Hình, bát phẩm 1, cửu phẩm 3, vị nhập lưu 30. Phòng Hộ, bát phẩm 1, cửu phẩm 5, vị nhập lưu 35. Phòng Lễ, bát cửu phẩm đều 1, vị nhập lưu 10.

Phòng Công, bát cử phẩm đều 2, vị nhập lưu 25” (16).

Thư lại giúp việc tại mỗi phòng cũng được quy định cụ thể. Năm 1821, số lượng và phẩm hàm lại viên của Gia Định thành như sau (Xem bảng 2) (17).

Năm 1829, trong chủ đích tiết giảm quyền lực và tái cơ cấu bộ máy quản lý ở cả hai thành, nhân việc bộ Lại: “tâu xin xem công việc phiên hay giản mà định số nhân viên nhiều hay ít, cho được thích đáng”, Minh Mệnh đã ban hành hàng loạt các quy định thay đổi, cho: “định ngạch nhân viên ở các tào, phòng, cục thuộc Bắc thành và Gia Định... Gia Định thì Hình tào kiêm quản Lễ phòng, Từ chương kiêm quản Lại phòng, mà Bắc thành thì Binh tào kiêm quản Lễ phòng, Hình tào kiêm quản Lại phòng” (18), cụ thể (19) (Xem bảng 3).

Ấn phòng (phòng giữ ấn) đặt năm 1829: “làm một phòng riêng, nhưng thuộc thành ấy chuyên giữ. Các công việc phòng ấn, không phải lệ thuộc tào nào trông coi” (20). Cơ chế điều hành, quản lý các Tào cũng được điều chỉnh: “hiện đặt chức tả hữu Thông phán mỗi chức 1 viên, tả hữu Kinh lịch mỗi chức 1 viên, đều tạm chi chức hàm Chủ sự, Tư vụ ty Hộ, Binh, Hình, chia giữ công việc của ba phòng Lại, Lễ, Công thành ấy. Còn chức Thông phán, Kinh lịch không phải đặt nữa” (21).

Dưới Gia Định thành, về mặt hành chính, đứng đầu mỗi Trấn là Trấn thủ (22) (võ quan), giúp việc có các chức Hiệp trấn, Tham hiệp (văn quan) (23).

Tương tự cấp Thành, quản lý các công việc hành chính, tư pháp, xây dựng, quân đội... ở mỗi trấn được bố trí thành hai tào (gồm 6 phòng), nhưng nhân sự cụ thể thì

khác biệt. Theo quy định năm 1808: “Tả thừa, Hữu thừa ở các trấn, doanh và các ty thuộc lại các đạo, phân định số nhân viên phẩm trật có khác nhau, hai thừa ty chia làm 6 phòng” (24). Cụ thể, số nhân viên các trấn Phiên An, Biên Hoà, Vĩnh Thanh, Định Tường gồm (Xem bảng 4) (25).

Năm 1822, Minh Mệnh giảm nhân sự thuộc các ty ở hai trấn Phiên An, Định Tường từ 118 xuống còn 108 người (26).

Riêng đối với trấn Hà Tiên, năm Gia Long 13 (1814), hai ty cùng số nhân sự mới được thiết lập, gồm 46 người, cơ cấu đơn giản hơn so với 4 trấn cũ. Cụ thể, ty Tả thừa Câu kê, Cai hợp, Thủ hợp đều 1 người, 20 Bản ty. Ty Hữu thừa Câu kê, Cai hợp, Thủ hợp đều 1 người, 20 Bản ty. Đạo Long Xuyên và đạo Kiên Giang từ năm 1808 ty thuộc lại đều có 1 Thủ hợp, 10 bản ty. Tuy nhiên, năm 1814, khi hai đạo này cho lệ vào trấn Hà Tiên, được chuẩn định đặt ty Thuộc lại Cai hợp, Thủ hợp đều 1 người, 20 Bản ty (27).

Dưới trấn, trước và sau thời kỳ thiết lập Gia Định thành, quá trình diễn cách đơn vị hành chính đưa đến sự biến đổi mạnh về quy mô, số lượng *phủ, huyện, tổng, thôn/xã/nậu/thuộc*... Cấp phủ trước năm 1808 chưa có, khi đặt Gia Định thành, nhiều huyện được nâng thành phủ, tổng trở thành huyện mới. Như trường hợp trấn Phiên An, theo *Gia Định thành thông chí*, gồm 1 phủ, 4 huyện, 8 tổng, 460 xã, thôn, phường, ấp, điểm. Trong đó phủ Tân Bình trước là huyện, nay cải đôn lên làm phủ, gồm 4 huyện:

- Huyện Bình Dương (trước là tổng), đổi thành huyện; lãnh 2 tổng Bình Trị, Dương Hoà mới đặt.

Bảng 3: Chức năng và nhiệm vụ của lại viên Gia Định thành

Hộ, Tào	Lang trung	Viên ngoại lang	Chủ sự	Tư vụ	Chánh bát cửu phẩm thư lại	Vị nhập lưu	Cộng
Tào Hộ kiêm phòng Công và cục Tạo tác	1	2	2	2	7	50	64
		2	2	3	7	40	54
Tào Bình kiêm phòng Lại	1	2	2	2	9	50	66
		1	1	1	5	20	28
Tào Hình kiêm phòng Lễ	1	2	2	2	7	40	54
			1	1	4	15	21
Phòng ấn		1			5		6
Cộng	3	10	10	11	44	215	293

Bảng 4: Số nhân viên các Trấn Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh và Định Tường

Ty/phòng	Chức vụ				Cộng
	Câu kê	Cai hợp	Thủ hợp	Bản ty	
Ty Tả thừa: Phòng Lại Phòng Bình Phòng Hình	1	2	2	10	59
			2	15	
			2	25	
Ty Hữu thừa Phòng Hộ Phòng Lễ Phòng Công	1	2	2	25	59
			2	10	
			2	15	
Cộng	3	4	12	100	118

Bảng 5: Cơ cấu đơn vị hành chính các cấp của Gia Định thành sau năm 1908

Trấn	Phủ	Huyện	Tổng	Thôn/xã/ấp...
Phiên An	1	4	8	460
Biên Hòa	1	4	8	310
Định Tường	1	3	6	314
Vĩnh Thanh	1	4	6	353
Hà Tiên		2	4	103
Cộng	4	17	32	1.540

- Huyện Tân Long (trước là tổng), lãnh 2 tổng Tân Phong, Long Hưng mới đặt.

- Huyện Phước Lộc (trước là tổng); lãnh 2 tổng Phước Điền, Lộc Thành mới đặt.

- Huyện Thuận An (trước là tổng Bình Thuận); lãnh 2 tổng Bình Cách, Thuận Đạo mới đặt (28).

Các trấn Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên đều có tình trạng tương tự. Thống kê từ *Gia Định thành thông chí*, cơ cấu đơn vị hành chính các cấp ở Gia Định thành sau năm 1808 gồm (Xem bảng 5) (29):

So sánh các con số trên với thống kê năm 1776 của Lê Quý Đôn càng thấy rõ

hơn sự biến động đơn vị hành chính các cấp thuộc Gia Định thành (30).

Với cách thức tổ chức hành chính, quy định chặt chẽ, tuyển chọn quan lại trên, có thể thấy, cơ cấu bộ máy chính quyền Gia Định thành chưa thật quy củ, ổn định, phương thức tổ chức quản lý một số lĩnh vực còn khá đơn giản. Bốn *tào*, lục *phòng* thuộc hai *ty* là những cơ quan thừa hành thuộc các lĩnh vực khác nhau, dù được bố trí theo cách dễ liên hệ nó với hình ảnh một "tiểu triều đình", nhưng giữa *tào*, *ty*, *phòng*, các cơ chế phối hợp, quy định về thanh tra, giám sát hoạt động chưa có, hoặc nếu có thì vai trò cũng chỉ mờ nhạt. Bên cạnh đó, nguyên tắc quan lại cấp trấn

đặt dưới sự điều khiển trực tiếp, nhận chỉ thị từ Tổng trấn, không được liên hệ thẳng với các bộ ở trung ương cũng như tấu trình vượt cấp lên hoàng đế; ngược lại, triều đình cũng chỉ làm việc với địa phương thông qua Tổng trấn. Điều đó cho thấy sự liên hệ giữa lục bộ ở triều đình với những cơ quan thừa hành 6 phòng, nhất là với cấp trấn khá hạn chế.

Quy trình tuyển chọn, bố trí nhân sự, cách thức biệt phái quan lại trị nhậm tại Gia Định cũng có không ít bất cập. Ngay từ năm 1813, khi lập bốn tào thuộc Thành, Tham tri hoặc Thiêm sự được điều phái từ lục bộ có thể đồng thời nắm giữ một hoặc hai tào. Nhiều Tham tri, Thiêm sự được giao quản lĩnh các tào không đúng với bộ viên quan đó. Chẳng hạn, năm 1813, Tả Tham tri Công bộ Nguyễn Khắc Thiệu lãnh Công tào kiêm lý Hộ tào, Hữu Tham tri Hình bộ Lê Bá Phẩm lãnh Hình tào kiêm lý Binh tào, Hàn lâm thị thư Nguyễn Công Định làm Thiêm sự Hộ bộ, Hàn lâm viện Lê Hy làm Thiêm sự Binh bộ, sung làm công việc hai tào Hộ, Binh (31). Năm 1820, lấy Hữu Tham tri Binh bộ Nguyễn Xuân Thục lĩnh Công tào, Hộ tào Gia Định, Thiêm sự Hình bộ Trần Hữu Châu làm biện lý Hình tào, Công tào, Thiêm sự Hộ bộ Ngô Quang Đức biện lý Hộ tào kiêm biện Binh tào (32). Năm 1821, lấy Hữu Tham tri Lại bộ Trần Văn Tuấn lĩnh hai tào Binh, Công; Hữu Tham tri Hộ bộ Nguyễn Xuân Thục lĩnh Hộ tào (33)...

Cách thức bổ dụng, bố trí nhân sự này khiến cho quan hệ giữa các ty, phòng, tào, cũng như giữa quan lại Gia Định thành phức tạp hơn. Trở lại với danh sách nhân sự bổ nhiệm trong hai năm 1820, 1821 trên đây, sẽ thấy một loạt những quan hệ kép. Trần Hữu Châu là thuộc cấp dưới quyền của Nguyễn Xuân Thục ở Công tào, đồng

thời vẫn chịu sự điều hành của viên quan đứng đầu Hình tào Gia Định thành khi đó. Thiêm sự Hộ bộ Ngô Quang Đức giúp việc cho Nguyễn Xuân Thục ở Hộ tào, song vẫn phải thực thi các nhiệm vụ tại Binh tào do Tham tri Trần Văn Tuấn phụ trách!

Trên phương diện quản lý, cách thức bố trí "liên thông" giữa các tào tại Gia Định thành như vậy dường như để tiết giảm, song thực ra lại cho thấy tính chưa quy củ, ổn định của tổ chức bộ máy, nhân sự. Tham tri, Thiêm sự cũng như nhiều nhân viên lục bộ khác có thể được điều chuyển, nhậm lĩnh một hoặc hai tào không thuộc bộ viên quan này. Cũng vì thế, trong điều hành xử lý công việc nha môn của các tào, phòng, nhiều trường hợp do kiêm nhiệm, quản lĩnh nên khó có thể tìm thấy sự phân định chức năng, quy trách nhiệm một cách rành rọt.

Ở khía cạnh khác, dấu ấn, ảnh hưởng từ mô hình tổ chức chính quyền quân sự là một đặc điểm dễ nhận thấy trong bộ máy quản lý hành chính Gia Định. Suốt thời kỳ Gia Định thành, từ Tổng trấn - người nắm giữ quyền lực cao nhất cho đến Phó Tổng trấn, Hiệp Tổng trấn, Trấn thủ... phần nhiều xuất thân từ võ quan. Chính vì nắm giữ những vị trí quan trọng trong hệ thống chính quyền, võ quan trở thành thế lực có vai trò, ảnh hưởng rất lớn. Lê Văn Duyệt - người giữ chức Tổng trấn Gia Định thành hai lần là trường hợp điển hình.

Tổng trấn là người nắm trong tay cơ chế quản lý và thực thi quyền lực rất rộng, gồm các khâu từ cất nhắc, bổ dụng, bãi miễn quan lại thuộc cấp, chỉ huy điều động quân đội, giải quyết công việc thường ngày... Thế lực, ảnh hưởng của viên Tổng trấn không quá khó để có thể vượt ra khỏi tầm kiểm soát của triều đình. Mặt khác, quyền hạn to lớn đó dễ trở thành mảnh đất thuận lợi để dung dưỡng ý đồ gây dựng thanh thế,

cát cứ quyền lực của viên quan trị nhậm "thên thang một cõi" xa cách triều đình. Đơn cử trường hợp, năm 1821, trong một lần, Tổng trấn Lê Văn Duyệt thu nạp 219 người tuyển chọn trong số con em quan lại Gia Định, bổ vào các chức vụ hành chính địa phương (34). Việc chọn lựa này cho thấy rõ sự chi phối bởi quan hệ cá nhân giữa người tham gia tuyển chọn với Tổng trấn. Kết quả tuyển lựa đã không tránh khỏi việc người nắm giữ quyền lực địa phương chủ yếu được chọn từ những nhân vật có quan hệ mật thiết với Tổng trấn hơn là với chính quyền trung ương. Ràng buộc giữa quan lại Gia Định với Tổng trấn vì thế sẽ ngày càng rõ rệt, sâu sắc hơn so với triều đình.

Có lẽ, triều Nguyễn sớm đã nhận ra "nguy cơ" này, cho nên, các vị trí quan trọng trong bộ máy quan lại Gia Định thành, việc chuyển, cất nhắc nguyên tắc đều phải thông qua triều đình. Song rõ ràng,

không thể tránh khỏi sự chi phối, thao túng của viên Tổng trấn quyền lực.

Những diễn biến trên đây, một mặt, phản ánh đúng tình hình, thực lực của chính quyền triều Nguyễn khi đó. Mặt khác, là biểu hiện của sự dung hoà, "chia sẻ" quyền lực, trong điều kiện năng lực so với mong muốn của chính quyền trung ương còn có khoảng cách chưa thể khắc phục. Song, nếu tình trạng này tồn tại không kiểm soát hoặc kiểm soát kém hiệu quả, nó không chỉ còn là nguy cơ tiềm tàng, mà sẽ trực tiếp phương hại đến quyền lực triều đình. Vì thế, Minh Mệnh đã chủ động, khôn khéo nhưng cũng không kém quyết liệt, từ thuyên chuyển, thay thế dần nhân sự, cất giảm số quan lại... Đó là những chỉ dấu báo hiệu cho cuộc thay đổi lớn lao sắp diễn ra.

(còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Vũ Văn Quân: *Nam Bộ - một số vấn đề tiếp cận thiết chế quản lý xã hội*, in trong: *Lịch sử nghiên cứu và phương pháp tiếp cận (Kỷ yếu Hội thảo khoa học lần thứ nhất Đề án khoa học xã hội cấp Nhà nước: Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 139.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, bản dịch, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 528.

(3). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 523.

(4). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, bản dịch, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2005, tr. 115. Tuy nhiên, theo *Đại Nam thực lục*, việc này bắt đầu vào năm 1802 (*Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 487).

(5). Theo *Gia Định thành thông chí*, năm 1805, khi Gia Long lệnh cho 5 doanh, trấn của Gia Định: "kê khảo đầy đủ về sự tích, cương vực, thổ sản

trong địa hạt, cùng với đường sá xa gần, núi sông chỗ nào bình thường, chỗ nào hiểm yếu, vẽ thành bản đồ, chép thành biên bản, ghi chú rõ ràng để làm thành trình lục", 5 doanh trấn lúc này vẫn là Phiên Trấn, Trấn Biên, Vĩnh Trấn, Trấn Định và Hà Tiên. (*Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 115).

(6). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 617.

(7). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 716.

(8). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 716.

(9). *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 120.

(10). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 739.

(11). *Đại Nam thực lục*, bản dịch, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 62.

(12). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 873.

(13). Nội các triều Nguyễn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, bản dịch, tập 2, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1993, tr. 259.

(14). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 257.

Trong khi đó, cũng theo quy định năm 1808, số lượng nhân viên ở các cơ quan tương ứng tại Bắc thành là:

(15). *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 149.

Ty/phòng	Chức vụ				Cộng
	Cầu kê	Cải hợp	Thủ hợp	Bản ty	
Ty Tả thừa					220
Phòng lại	1	1	2	40	
Phòng binh	2	2	4	80	
Phòng hình	2	2	4	80	
Ty Hữu thừa					214
Phòng hộ		2	4	80	
Phòng lễ	1	1	2	50	
Phòng công	1	1	2	70	
Cộng	7	9	18	400	434

(16). *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 227-228.

(17). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 258-259.

(18). *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 918.

(19). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 260-261.

(20). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 261.

(21). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 261.

(22). Năm 1808, sau khi đặt Gia Định thành, chức quan đứng đầu trấn lúc này không thấy chép trong chính sử, có lẽ cho đến trước năm 1810 vẫn là các chức Lưu thủ, Cai bạ, Ký lục. Năm Gia Long thứ 9 (1810), triều đình khi đó mới ban chỉ dụ: "Đổi chức Lưu thủ các trấn từ Quảng Ngãi về Nam làm Trấn thủ" (*Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 803).

(23). Năm 1827, vua Minh Mệnh "chỉ dụ quan trấn tam tứ phẩm từ tỉnh Quảng Nam trở vào

Nam, chuẩn theo như quan trấn từ Nghệ An trở ra đổi làm Hiệp trấn, Tham hiệp, không phải giữ những chức danh Cai bạ, Ký lục và Hiệp lý như trước" (*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr.137-138). Riêng trấn Hà Tiên ngay từ năm Gia Long thứ 10 (1811) đã cho đặt chức Hiệp trấn.

Đến đây thì cấp trấn cùng các chức vụ đứng đầu trấn ở Bắc thành và Gia Định thành đã được thống nhất, chỉ còn ở miền Trung vẫn tồn tại 4 dinh dưới sự quản lý của triều đình.

(24). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 160.

(25). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 161-162.

(26). *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 228.

(27). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, sdd, tr. 164-165.

(28). *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 121-132.

(29). *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 121-178.

(30). Năm 1776, theo thống kê của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục*, đơn vị hành chính các cấp ở Nam Bộ có:

Dinh/trấn	Phủ	Huyện/châu	Tổng	Thôn/xã/ấp
Phiên Trấn		1	4	650
Trấn Biên		1	4	320
Long Hồ		1	3	350
Cộng		3	12	1.320

(Xem Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 196-197).

(31). *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 873.

(32). *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 60.

(33). *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 115.

(34). *Mục lục c. . . bản triều Nguyễn*, tập 2, Ủy ban phiên dịch sử liệu, Viện Đại học Huế, 1962, tr. 28.